

Số: 372/BC-UBND

Thoại Sơn, ngày 26 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO
Kết quả triển khai chuyển đổi số Quý III năm 2023

Thực hiện Công văn số 1337/STTTT-CNTT-BCVT ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Sở Thông tin và Truyền thông về đề nghị báo cáo kết quả triển khai chuyển đổi số phục vụ Phiên họp Quý III năm 2023 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số.

Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn báo cáo kết quả triển khai chuyển đổi số Quý III năm 2023 như sau:

1. Kết quả triển khai chuyển đổi số Quý III năm 2023 tại cơ quan, đơn vị, địa phương:

Trên cơ sở Kế hoạch số 902/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh, Quyết định số 88/QĐ-BCĐ ngày 29/6/2023 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh), Ủy ban nhân dân huyện xây dựng triển khai Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 27/02/2023 Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2023 trên địa bàn huyện Thoại Sơn; Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 12/4/2023 Triển khai thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn huyện Thoại Sơn năm 2023; Quyết định 2367/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Kiện toàn Ban chỉ đạo về chuyển đổi số huyện Thoại Sơn. Qua đó đã triển khai đến các cơ quan, ban ngành huyện và xã, thị trấn với hơn 1.200 lượt cán bộ tham gia thông qua các hình thức: họp trực tuyến, họp giao ban, họp ngành chuyên môn, chuyên đề...

Trong đó kết quả triển khai mang lại hiệu quả nổi bật là thực hiện Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, thị trấn với 221 thành viên 17 xã, thị trấn; 76 tổ nhóm, ấp với 608 thành viên qua đó đã thực hiện tốt vai trò của Tổ như:

Nội dung thực hiện	Số lượng	Ghi chú
Xác thực định danh mức 1	23.588	
Xác thực định danh mức 2	72.783	
VneID	39.296	
Smart An Giang	9.920	
Chuẩn hóa sim chính chủ (VNPT, Viettel, Mobifone)	140.300	
Tài khoản DVCTT	10.400	

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quan trọng; kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao cụ thể và các nhiệm vụ theo Kế hoạch hành động trọng tâm Năm dữ liệu số quốc gia tại Kế hoạch hoạt động năm 2023: theo phụ lục chỉ tiêu kèm theo

3. Đánh giá kết quả triển khai và nêu rõ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

a) Kết quả đạt được

- Được sự quan tâm của lãnh đạo cấp trên, ngành dọc và Thường trực Huyện ủy, UBND huyện công tác tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số được kịp thời.

- Nhận thức của người dân và doanh nghiệp được nâng lên qua đó các nội dung ứng dụng chuyển đổi số được doanh nghiệp và người dân hưởng ứng thực hiện.

- Thực hiện chuyên đổi số góp phần thực hiện có hiệu quả trong công tác giải quyết thủ tục hành chính nhanh gọn, tiết kiệm thời gian... mang lại hiệu quả cao.

b) Khó khăn, hạn chế

- Nguồn nhân lực cán bộ có trình độ công nghệ thông tin từ huyện đến cơ sở còn nhiều hạn chế nên trong quá trình triển khai kế hoạch còn nhiều khó khăn do thiếu chuyên môn.

- Nguồn kinh phí cấp cho công tác chuyên đổi số ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế.

- Một số lãnh đạo địa phương chưa chủ động xây dựng kế hoạch chuyển đổi số của đơn vị mình.

- Nhận thức của người dân về chuyển đổi số bước đầu cơ bản tốt, nhưng việc trực tiếp tham gia lĩnh vực dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính còn thấp.

- Hạ tầng viễn thông nhất là hệ thống đường truyền còn chậm, phần mềm chuyên ngành chậm.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp đột phá để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao về chuyển đổi số trong năm 2023 (theo Kế hoạch số 902/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh, Quyết định số 88/QĐ-BCĐ ngày 29/6/2023 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh).

- Lấy người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm trong chuyển đổi số do vậy cần phát huy Tổ số cộng đồng để hỗ trợ thực hiện công tác chuyển đổi số.

- Thực hiện tốt chuyển đổi số từng giai đoạn, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ của giai đoạn.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực cho chuyển đổi số cần được thực hiện thường xuyên, liên tục. Đồng thời, nghiên cứu, đề xuất, ban hành các chính sách ưu đãi, đãi ngộ để thu hút nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực CNTT, chuyển đổi số. Từng bước phổ cập kiến thức, kỹ năng CNTT đến đông đảo người dân thông qua các nền tảng đào tạo mở.

- Cơ quan quản lý nhà nước cấp trên giám sát thông tin, an ninh mạng. Công tác này phải được thực hiện thường xuyên, liên tục theo phương châm ngăn chặn, phòng ngừa là chính, phải luôn sẵn sàng các phương án, nhân lực ứng phó, xử lý kịp thời các sự cố an toàn thông tin xảy ra.

5. Đề xuất, kiến nghị các nhiệm vụ, giải pháp tham mưu UBND tỉnh kiến nghị, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo để thúc đẩy chuyển đổi số tại địa phương.

- Quan tâm, bố trí một phần kinh phí cho các xã, thị trấn và các ngành thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin.

- Chính sách đãi ngộ nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin tại các địa phương và các ban, ngành thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Quan tâm đầu tư trang thiết bị nhất là máy vi tính phục vụ cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính và chuyển đổi số.

- Các nhà mạng thường xuyên kiểm tra hệ thống đường truyền.

Trên đây là báo cáo báo cáo kết quả triển khai chuyển đổi số phục vụ Phiên họp Quý III năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn./.

Nơi nhận:

- Sở TTTT;
- UBND huyện;
- Phòng VH TT;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- CBHT: Châu;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Kim Chi

Phụ lục

DANH MỤC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số 372/BC-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Thoại Sơn)

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2023	Phụ trách	Kết quả thực hiện
A	Dữ liệu số			
1	Sở, ban, ngành tỉnh cung cấp danh mục cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý	100%	- Chủ trì: Sở, ban, ngành tỉnh. - Phối hợp: UBND cấp huyện	100%
2	Sở, ban, ngành tỉnh cung cấp danh mục dữ liệu mở, công bố dữ liệu mở của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý	100%	- Chủ trì: Sở, ban, ngành tỉnh. - Phối hợp: UBND cấp huyện.	20%
3	Sở, ban, ngành tỉnh triển khai các hệ thống quản lý chuyên ngành (đủ điều kiện) cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	100%	- Chủ trì: Sở, ban, ngành tỉnh	
4	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh triển khai kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân để người dân, doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến		- Chủ trì: Sở Thông tin và truyền Thông. - Phối hợp: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Đạt
5	Trang, Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được gắn nhãn tín nhiệm mạng, Cổng thông tin điện	100%	- Chủ trì: Sở, ban, ngành tỉnh,	Đạt

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2023	Phụ trách	Kết quả thực hiện
	tử tỉnh được đánh giá an toàn thông tin		UBND cấp huyện. - Phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông.	
B	Chính quyền số			
6	Cơ quan nhà nước cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến		- Chủ trì: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã. - Phối hợp: Sở Thông tin và truyền Thông.	Đạt
7	Thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	100%	- Chủ trì: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện. - Phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và truyền Thông.	Đạt
8	Thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	30%	- Chủ trì: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện. - Phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và truyền Thông.	1,5%
9	Thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công	60%	- Chủ trì: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	60%

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2023	Phụ trách	Kết quả thực hiện
	quốc gia		- Phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và truyền Thông.	
10	Người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền	100%	- Chủ trì: Sở, ban, ngành tỉnh; Công an tỉnh; UBND cấp huyện. - Phối hợp: Công an tỉnh, Sở Thông tin và truyền Thông.	100%
11	Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	100%	- Chủ trì: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã. - Phối hợp: Sở Thông tin và truyền Thông, Văn phòng UBND tỉnh.	35%
12	Hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến từ xa	50%	- Chủ trì: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã. - Phối hợp: Sở Thông tin và truyền Thông, Văn phòng UBND tỉnh.	40%
13	Cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	50%	- Chủ trì: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện. - Phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Thông	Đạt

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2023	Phụ trách	Kết quả thực hiện
			tin và truyền Thông.	
C	Kinh tế số			
14	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	6% (năm 2022 ước đạt từ 4%-5%)	- Chủ trì: Cục Thống kê. - Phối hợp: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Đạt
15	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	5%	- Chủ trì: Sở Công thương. - Phối hợp: Cục thuế tỉnh, Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Đạt
16	Doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số	90%	- Chủ trì: Sở Thông tin và truyền Thông. - Phối hợp: Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Đạt
17	Doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng các nền tảng chuyển đổi số	30%	- Chủ trì: Sở Thông tin và truyền Thông. - Phối hợp: Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Đạt

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2023	Phụ trách	Kết quả thực hiện
D	Xã hội số			
18	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh	70% (Đến năm 2022 đạt 66,2%)	- Chủ trì: Sở Thông tin và truyền Thông. - Phối hợp: UBND cấp huyện, doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh.	86,26%
19	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	80% (Đến năm 2022 đạt 73,45%)	- Chủ trì: Sở Thông tin và truyền Thông - Phối hợp: UBND cấp huyện, doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh.	73,74%
20	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử	30%	- Chủ trì: Công an tỉnh - Phối hợp: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	75,22%
21	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	2% (đến năm 2022 đạt 1,8%)	- Chủ trì: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện. - Phối hợp: Sở Thông tin và truyền Thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Viễn thông trên địa bàn tỉnh.	0%

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2023	Phụ trách	Kết quả thực hiện
22	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	75%	- Chủ trì: Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh An Giang. - Phối hợp: UBND cấp huyện.	65%
23	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến	60%	- Chủ trì: Sở, ban, ngành tỉnh; Công an tỉnh; UBND cấp huyện. - Phối hợp: Sở Thông tin và truyền Thông.	50%
24	Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa	30%	- Chủ trì: Sở Y tế. - Phối hợp: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	0%
25	Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử	80%	- Chủ trì: Sở Y tế. - Phối hợp: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Đạt
Đ	An toàn, an ninh mạng			
26	Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước cấp tỉnh, UBND cấp huyện hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	100%	- Chủ trì: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện. - Phối hợp: Sở Thông tin và truyền Thông.	Đạt

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2023	Phụ trách	Kết quả thực hiện
27	Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	30%	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện. - Phối hợp: Sở Thông tin và truyền Thông. 	Đạt
28	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng có sử dụng giải pháp an toàn thông tin mạng cơ bản	10%	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Sở Thông tin và truyền Thông. - Phối hợp: doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Viễn thông trên địa bàn tỉnh. 	Đạt